TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **135**/2024/DS-PT
Ngày: 15-7-2024
V/v "Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Kim – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 01, 8 và ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc: *"Kiện đòi tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 04/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 151/34/43/1 đường Liên khu 4-5, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

****Bị đơn:*** Ông Ngô Thiên V, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt).

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974 (có mặt);
2. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1969 (có mặt);
3. Ông Bùi Văn Thanh T1, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng trú tại: Ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương;

4. Bà Đào Thị Kim Th1, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Phú Trung, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (vắng mặt);

5. Ông Trần Danh H, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố T, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt);

***Người kháng cáo*:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn ông Ngô Thiên V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Bà T và ông V có quen biết nhau thông qua sự giới thiệu của bà Thoa. Sau khi được ông V giới thiệu và dẫn đi xem đất thì ngày 06/3/2019 bà T đồng ý mua thửa đất do ông V giới thiệu.

Ngày 06/3/2019, bà T có giao cho ông V số tiền là 2.200.000.000đ để nhận chuyển nhượng thửa đất do ông V giới thiệu. Các bên có làm bản cam kết nhận tiền nội dung bên giao tiền là bà T, bên nhận tiền ông V. Nội dung nhận tiền "Chồng tiền đất Minh Hưng trị giá 2.600.000.000 đồng". Đối tượng giao dịch ghi trong bản cam kết là thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 02, diện tích 5548m^2 (thực chất là thửa đất 1293, tờ bản đồ số 02), tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Chữ viết ghi trong hợp đồng là của ông V.

Đến ngày 01/4/2019, bà T đã gửi các giấy tờ liên quan cho ông V nhưng ông V không thực hiện việc công chứng thửa đất sang tên cho bà T. Do đó bà T đã đến nhà của ông V và bà H1 để yêu cầu trả lại tiền cho bà T nhưng ông V, bà H1 không trả lại.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông V và bà H1 phải trả lại cho bà T số tiền là 2.200.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 3/4/2019 đến ngày 03/9/2023 là 4 năm 5 tháng với lãi suất 10%/năm = 971.278.000đ. Tổng cộng buộc ông V trả cho bà T số tiền 3.171.278.000đ.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ–BPKCTT ngày 02/7/2019 bà T đề nghị giữ nguyên để đảm bảo việc thi hành án.

** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Thiên V trình bày:*

Khoảng từ ngày 20 đến ngày 23/2/2019, ông V gặp và quen bà T và ông Công, bà Thu thông qua giới thiệu của bà Thoa. Ông V có giới thiệu cho bà T, ông Công, bà Thu thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước của ông Tống Đức Hợi. Ông V thống nhất nhận chuyển nhượng đất này của ông H1 với giá 2.600.000.000đ cùng bà T, ông Công. Ban đầu thỏa thuận mỗi người góp một phần tức là ông V 01 phần, bà T một phần và vợ chồng ông Công một phần, mỗi phần là 886.000.000đ.

Ngày 25/02/2019, bà T chuyển khoản cho ông V số tiền 300.000.000đ. Ngày 28/02/2019, bà T, ông Công và bà Thoa gặp ông V thì bà T có đưa thêm cho ông V số tiền 200.000.000đ. Tại đây, các bên làm giấy ghi rõ nhận số tiền 500.000.000đ (của ngày 25 và ngày 28/02/2019) do ông Công đứng tên người giao tiền.

Sau đó ông V có nhận tiền từ bà T nhiều lần cụ thể:

Ngày 06/3/2019, bà T và ông Công, bà Thu lên thị xã Bình Long để uống cà phê và ông V nói có mua 01 căn nhà ở Bình Long nếu thích thì để lại với giá 660.000.000đ, bà T, ông Công đồng ý mua lại của ông V và viết giấy đặt cọc cho ông V số tiền 100.000.000đ nhưng đến ngày 7/3/2019 mới giao tiền cọc tại nhà ông Công ở huyện B, tỉnh Bình Dương do bà T đưa.

Ngày 12/3/2019, tại quán cà phê kế Ngân hàng Sacombank chi nhánh B, tỉnh Bình Dương, ông V nhận của bà T thêm 1.000.000.000đ nhưng không xác định rõ là tiền mua nhà ở Bình Long hay tiền mua đất tại Minh Hưng. Tại đây, ông V viết giấy nhận tiền của bà T, ông Công tổng 3 lần là 1.600.000.000đ (ngày 25 và 28/02/2019 tính là 01 lần).

Ngày 17/3/2019, ông V có xuống nhà ông Công, có bà T ở đó, ông V thỏa thuận lại với bà T, ông Công về tỷ lệ chung vốn đối với thửa đất mua của ông Hợi. Qua đó các bên thống nhất để bà T, ông Công chung 2.000.000.000đ còn ông V chung 600.000.000đ; ông Công, bà T thì mỗi người ½ tức là bà T 1.000.000.000đ, vợ chồng ông Công 1.000.000.000đ đối với đất mua tại Minh Hưng. Bà T đưa cho ông V số tiền 300.000.000đ hay 400.000.000đ để công chứng nhưng không làm giấy tờ.

Ngày 18 hoặc 19/3/2019 ông V nhận thêm của bà T số tiền 200.000.000đ.

Sáng ngày 20/3/2019, ông V viết giấy cam kết xác nhận có nhận tiền của bà T là 2.200.000.000đ và xé bỏ các giấy trước nhưng có chụp lại. 02 Giấy cam kết do ông V, bà T cung cấp có sự khác nhau về thời gian và chủ đất. Đối với việc ghi trong bản cam kết nhận số tiền 2.200.000.000đ có ghi thửa đất 1093 là do ông V ghi nhầm, thực chất thửa đất giao dịch là 1293, chữ ghi trong bản cam kết nhận tiền là do chính ông V viết ra.

Sau ngày 20/3/2019, do cần tiền nên ông V chuyển nhượng lại phần 600.000.000đ của mình đối với thửa đất tại Minh Hưng cho bà Thoa.

Ngày 22/3/2019, đến ngày công chứng căn nhà tại thị xã Bình Long, bà T không lên ký hợp đồng công chứng nên đến ngày 25/3/2019 ông T1 lên ký đứng tên thay cho bà T.

Ngày 29/3 hay 31/3/2019 ông V có xuống nhà ông Công, bà Thu. Tại đây, ông V nhận số tiền 400.000.000đ do bà T đưa để công chứng thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nhưng không làm giấy tờ. Thời điểm này thì ông Công, bà T còn thiếu ông V số tiền 60.000.000đ.

Ngày 01/4/2019 ông V, ông Hợi đi công chứng thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước cho bà T nhưng khi gọi điện cho bà T thì bà T nói để ông T1 đứng tên nên ngày 02/4/2019 ông V cùng ông Hợi làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho ông T1 và bà Thoa đứng tên.

Khoảng 18 giờ ngày 3/4/2019, ông V có xuống nhà ông Công, bà Thu thì bà T có đưa ông V 2 tờ mẫu bản cam kết tài sản chung. Ông T1 và chị Thoa có ký thỏa thuận cho ông T1 đứng tên thay cho bà T. Bản cam kết đồng sở hữu là do chị Thoa ghi, khi ghi thì có bà T ở đó nhưng sau đó bà T đi đâu không ký vào giấy này.

Sau khi công chứng đất ở Minh Hưng cho ông T1 khoảng 6 - 7 ngày thì bà T và ông Công đến gặp ông V và đưa cho ông V số tiền 60.000.000đ còn lại nhưng không làm giấy tờ gì.

Trong quá trình thỏa thuận, giao tiền, làm thủ tục công chứng, sang tên thì ông V là người đứng ra thực hiện.

Nay bà T yêu cầu ông V, bà H1 trả 2.200.000.000đ cùng tiền lãi thì ông V không đồng ý vì ông V đã làm theo yêu cầu của bà T là công chứng cho ông T1 đứng tên căn nhà tại thị xã Bình Long và thửa đất tại Minh Hưng, ngoài ra không nhận khoản tiền nào khác từ bà T. Tổng số tiền ông V nhận từ bà T là 2.660.000.000đ (nhà ở Bình Long là 660.000.000đ, còn 2.000.000.000đ là thửa đất ở Minh Hưng) trong đó bà T ½, vợ chồng ông Công là ½.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Việc mua bán đất giữa bà T với ông V thì bà H1 không biết mà chỉ sau này khi bà T đến nhà yêu cầu trả tiền thì bà H1 mới biết. Nay bà T yêu cầu ông V, bà H1 trả lại cho bà T số tiền 2.200.000.000đ và tiền lãi thì bà H1 không đồng ý.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2019, biên bản đối chất ngày 27/4/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2023. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Kim Thoa trình bày:*

Sau khi ông V cho xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và dẫn đi xem thực tế thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước thì bà Thoa đồng ý mua cổ phần của ông V với số tiền là 600.000.000đ. Khi nhận mua của ông V thì bà Thoa biết đất này mua chung với bà T, ông Công. Ông T1 đứng hộ phần của ông Công, bà T là 2.000.000.000đ. Đối với văn bản lập ngày 3/4/2019 tại nhà ông Công, ghi đồng sở hữu giữa bà Thoa với ông T1 theo hợp đồng chuyển nhượng, phần chữ viết sau là do ông V tự viết nhưng do ghi sai nên vứt bỏ lại. Hiện nay phần đất do ông T1 đứng tên thì bà Thoa đã nhận chuyển nhượng lại, hiện bà Thoa là chủ sử dụng đất toàn bộ thửa đất này. Việc nhận chuyển nhượng phần ông T1 đứng tên, bà Thoa đã thỏa thuận và giao tiền cho bà Thu. Việc làm thủ tục, thỏa thuận cho ông T1 đứng tên thay do ông V thực hiện và thảo thuận, bà Thoa không biết chỉ biết phần của bà Thoa.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Thông T1 trình bày:*

Đối với việc giao dịch, mua bán thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước thì do ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị Th (là bố mẹ ruột của ông Bùi Văn Thông T1) thực hiện. Khi ra công chứng thì bà Thu, ông Công có nhờ ông T1 đứng tên. Hiện nay ông T1 đứng đồng sở hữu với bà Đào Kim Thoa. Bà Nguyễn Thị Thanh T cũng không nhờ ông T1 đứng tên thửa đất nào cả.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2019, biên bản đối chất ngày 08/01/2020, biên bản đối chất ngày 27/4/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2023, người có*

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị Th thống nhất trình bày:

Bà T và vợ chồng ông Công đã hợp tác với nhau từ lâu. Năm 2019, sau khi lên Bình Long, Bình Phước mở thị trường làm ăn tìm mua đất thì gặp ông V và bà Thoa dẫn đi coi đất. Ông V dẫn vợ chồng ông Công và bà T đi xem thửa đất tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và đồng ý mua thửa đất này đầu tiên do ông V đứng ra thỏa thuận giao dịch với chủ đất. Giá chuyển nhượng là 2.600.000.000đ. Vợ chồng ông Công, bà Thu 1.000.000.000đ, bà T 1.000.000.000đ, còn ông V 600.000.000đ. Gần đến ngày công chứng thì ông V kẹt tiền nên bán lại phần của mình cho bà Thoa. Khi ra công chứng thì vợ chồng ông Công với bà T thỏa thuận cho ông T1 và bà Thoa đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất này làm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng sở hữu, ông T1 đứng tên thay cho phần của vợ chồng ông Công và bà T để sau này chuyển nhượng, làm ăn cho dễ. Việc thỏa thuận để ông T1 đứng tên thay là được sự thống nhất của bà T, ông V nhưng không làm giấy tờ. Giấy cam kết đồng sở hữu là do bà T đưa mẫu. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 01 tháng thì thỏa thuận chuyển nhượng lại phần của vợ chồng ông Công với bà T do ông T1 đứng tên cho bà Thoa với giá 2.100.000.000đ. Khi nhận được tiền thì vợ chồng ông Công với bà T đã chia tiền gốc và tiền lời xong. Việc mua bán, chia lợi nhuận giữa vợ chồng ông Công với bà T không làm giấy tờ gì.

Do tiền mua bán chung giữa vợ chồng ông Công với bà T đều do bà T giữ nên việc giao dịch và giao nhận tiền đều do bà T thực hiện. Ông Công chỉ nhớ giao tiền cho ông V một lần 500.000.000đ, một lần 300.000.000đ và giao nhỏ lẻ nhiều lần khác, vợ chồng ông Công chỉ ký một lần đặt cọc 500.000.000đ còn tất cả đều do bà T giao cho ông V.

Ngoài việc mua thửa đất tại Minh Hưng thì vợ chồng ông Công còn cùng bà T mua chung 01 căn nhà tại Bình Long với giá 660.000.000đ, vợ chồng ông Công góp ½, bà T ½ tức là mỗi bên 330.000.000đ. Các giao dịch đều do bà T đứng ra và làm giấy tờ, giao tiền. Hiện nay vợ chồng ông Công không nhớ thửa đất này khi đó để ai đứng tên nhưng đã chuyển nhượng cho người khác.

Trước đây vợ chồng ông Công cho rằng không mua chung với bà T thửa đất các bên đang tranh chấp thửa đất 1093 còn thửa đất mua chung với bà T là thửa đất 1293.

** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Danh H trình bày:*

Ông Hòa và bà T là vợ chồng, do bận công việc nên việc làm ăn buôn bán đất do bà T thực hiện. Đối với số tiền bà T đặt cọc cho ông V 2.200.000.000đ là tài sản chung của hai vợ chồng. Do đó ông Hòa đề nghị ông V, bà H1 phải trả lại cho ông Hòa và bà T số tiền trên. Tại bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 27/10/2022, ông Hòa xác định tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của bà T, không còn liên quan đến ông Hòa.

Tại biên bản ghi lời khai, tại đơn đề nghị và tại phiên tòa người làm chứng ông Tống Đức Hợi, bà Nguyễn Thị Thơ trình bày.

Thửa đất 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là thửa đất đứng tên ông Tống Đức Hợi và bà Nguyễn Thị Thơ. Ông Hợi có giao cho ông Hiệp làm môi giới bán thửa đất trên với số tiền là 1.580.000.000 đồng cho ông Giang. Ngày 01/4/2019 ông V có yêu cầu ông Hợi và bà Thơ đến văn phòng công chứng Chơn Thành ký tên và người mua là bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng do ông V nói chồng bà T không ký văn bản cam kết tài sản riêng nên bà T không đứng tên được còn lại ông Hợi không chứng kiến bà T nói trực tiếp hay nghe điện thoại nói chuyện giữa ông V và bà T về việc bà T nói cho ông T1 đứng tên thay. Ông Hợi công chứng theo yêu cầu của ông V, còn công chứng cho ai thì vợ chồng ông Hợi, bà Thơ không quan T vì đã nhận đủ tiền.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2020 người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng trình bày.

Ông V và bà T là khách hàng của Văn phòng công chứng (VPCC) Chơn Thành, không có quan hệ họ hàng gì. Khoảng tháng 4/2019 thì ông V có đến VPCC nhờ công chứng thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 đứng tên ông Tống Đức Hợi. Ban đầu thì ông V nói công chứng cho người mua là bà T và bà Thoa, buổi chiều thì ông V nói công chứng cho người mua là ông T1 và bà Thoa vì chồng bà T không lên ký cam kết tài sản riêng. Tại thời điểm công chứng thì có mặt bà T hay không thì bà H1ồng không xác định được.

Tại đơn trình bày ngày 12/9/2019 người làm chứng ông Nguyễn Văn Giang trình bày:

Ngày 20/2/2019, ông Giang gặp ông V và ông V có giới thiệu cho ông Giang thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước của ông Tống Đức Hợi và ông Giang đồng ý mua với số tiền là 1.580.000.000đ. Ngày 25/2/2019 ông V có hỏi mua lại thửa đất mà ông Giang đã làm hợp đồng đặt cọc cho ông Hợi do có lời nên ông Giang bán lại cho ông V với số tiền là 2.600.000.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 04/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Ngô Thiên V và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.917.416.000đ trong đó 1.330.000.000đ tiền gốc và 587.416.000đ tiền lãi.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 12/10/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 04/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện H theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Ngày 12/10/2023, bị đơn ông Ngô Thiên V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 04/10/2023 của Tòa án nhân

dân huyện H theo hướng hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, giao lại cho Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn ông Ngô Thiên V thay đổi yêu cầu kháng cáo từ yêu cầu huỷ bản án sang đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 thay đổi yêu cầu kháng cáo từ yêu cầu huỷ bản án sang đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự theo hướng không buộc bà H1 phải có nghĩa vụ cùng bị đơn ông Ngô Thiên V trả tiền cho nguyên đơn.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ không phải là bản chính chỉ là các bản chụp và căn cứ vào kết luận giám định số 56 ngày 14/7/2021 để cho rằng đây là tài liệu có thật, bản chính để đối chiếu với các tài liệu khác là không có cơ sở để xem xét đánh giá chứng cứ, nên việc Toà cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ nêu trên để cho rằng giữa bà T và vợ chông ông Công, bà Thu có sự góp vốn để mua nhà và đất là ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà T về việc sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông V, bà H1;

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 04/10/2023 của TAND huyện H theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, buộc ông Ngô Thiên V và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng); sửa án phí sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Về Tố tụng:

- Đơn kháng cáo của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T; bị đơn ông Ngô Thiên V và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 làm trong thời hạn luật định, thực hiện đúng quyền và có hình thức, nội dung phù hợp với quy định của BLTTDS, nên hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà T khởi kiện ông Ngô Thiên V kiện đòi số tiền 2.200.000.000đ theo giấy biên nhận ông V ký với bà T ngày 06/3/2019 để chồng mua thửa đất số 1293 của ông Tống Đức Hợi tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, ông V cho rằng giữa bà T với ông V và vợ chồng ông Công, bà Thu có thỏa thuận mua chung với nhau thửa đất số 1293 của ông Tống Đức Hợi. Giấy biên nhận 2.200.000.000đ trên được lập ngày 20/3/2019 ghi nhận lại tổng số tiền mà bà T đã nhiều lần giao cho ông V từ ngày 25/02/2019 đến ngày 20/3/2019 chứ không phải là giao nhận 01 lần vào ngày 06/3/2019 như lời khai của bà T. Số tiền trên bao gồm cả tiền của vợ chồng ông Công, bà Thu nhờ bà T giao cho ông V để góp vốn mua chung thửa đất số 1293 của ông Tống Đức Hợi và thửa đất 764 tại Bình Long.

Lời khai của ông V về việc bà T nhiều lần giao tiền cho ông V phù hợp với những hình ảnh do ông V cung cấp *(hình 01 và hình 02 chụp Giấy biên nhận đặt cọc không ghi ngày, Hình 03 chụp bản cam kết nhận tiền, Hình 04 chụp tờ giấy có nội dung vào ngày 7/3/2019 ông Ngô Thiên V có nhận của bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 100.000.000đ, ngày 12/3/2019 ông V có nhận của bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.000.000.000đ….).* Các hình ảnh này là tài liệu đọc được, nhìn được đã có kết luận của Cơ quan giám định có thẩm quyền là Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Phước và Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an. Các hình ảnh này được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 95 BLTTDS. Trong 4 hình ảnh này thì có hình 4 có dấu vân tay chỗ chữ ký ghi tên bà Nguyễn Thị Thanh T.

Tại Bản kết luận giám định số 56/2021/GĐ-KTS ngày 14/7/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: 04 hình ảnh gửi giám định ký hiệu A1-A4 là có thật. Không tìm thấy dấu hiệu bị cắt ghép, chỉnh sửa trong 04 tập tin hình ảnh gửi giám định ký hiệu A1-A4. Đây được xem là chứng cứ theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 BLTTDS.

Tại Bản kết luận giám định số 38/KL(ĐV)-KTHS ngày 04/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Dấu vân tay bên phải ghi tên Nguyễn Thị Thanh T được chụp trong tập tin hình ảnh với dấu vân tay ghi tên Nguyễn Thị Thanh T in trên biên bản về việc lấy mẫu chữ ký giám định là của cùng một người in ra.

Tại Bản kết luận giám định số 5164/KL-KTHS ngày 15/8/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an kết luận: Dấu vân tay trên dòng chữ ghi họ tên Nguyễn Thị Thanh T trong mẫu cần giám định với dấu vân tay ghi họ tên Nguyễn Thị Thanh T trên mẫu so sánh file hình ảnh có nội dung *"Hôm nay ngày 7/3/2019, tôi Ngô Thiên V SN 1977 có nhận chị Nguyễn Thị Thanh T SN 1978 thêm 100.000.000d một trăm triệu đồng. Hôm nay ngày 12/3/2019 tôi Ngô Thiên V SN 1977 có nhận chị Nguyễn Thị Thanh T SN 1978 số tiền là 1.000.000.000d một tỷ đồng Việt Nam. Tổng giá trị mảnh đất là 2.600.000.000đ. Phần của chị T và anh Công là 1.730.000.000đ chị T và anh Công đưa tổng cộng 3 lần là 1.600.000.000đ một tỷ sáu trăm triệu đồng,. số còn lại là 133.000.000đ một trăm ba mươi ba triệu đồng"* là dấu vân tay của cùng một người.

Như vậy căn cứ vào các kết quả giám định nêu trên có thể xác định nội dung tại file hình ảnh có nội dung *"Hôm nay ngày 7/3/2019, tôi Ngô Thiên V SN 1977 có nhận chị ..."* là có thật, có sự xác nhận điểm chỉ dấu vân tay của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm nguyên đơn cho rằng số tiền 2.200.000.000đ bà giao cho ông V một lần tại thời điểm xác lập bản cam kết, khi giao không ghi ngày trong bản cam kết này, nhưng sau này là bà T căn cứ vào ngày bà nhận tiền tại Ngân hàng rồi giao cho ông V để ghi ngày các bên giao tiền là ngày 06/3/2019. Tuy nhiên, lời trình bày trên của bà T không được ông V thừa nhận, mà ông V cho rằng theo hình ảnh chụp lại trong điện thoại của ông V thì biên nhận trên không ghi ngày tháng năm, ngày chính xác khi giao nhận phải là ngày 20/3/2019 mới đúng. Ngày 06/3/2019, là ngày mà bà T tự ý ghi vào. Bà T cũng không chứng minh được có giao tiền cho ông V 01 lần số tiền 2.200.000.000đ vào ngày 06/3/2019. Mặt khác, từ các hình ảnh đã được giám định thể hiện đến thời điểm ngày 12/3/2019 ông V đã nhận của bà T, ông Công 3 lần với tổng số tiền 1.600.000.000đ. Nội dung này phù hợp với lời khai của ông V về số lần cũng như số tiền đã nhận từ bà T như ngày 25/02/2019 (BL452) bà T chuyển cho ông V số tiền 300.000.000đ, ngày 28/02/2023 giao nhận số tiền 200.000.000đ (sau đó các bên lập hợp đồng đặt cọc với số tiền 500.000.000đ cho ngày 25 và ngày 28/2/2019); ngày 07/3/2019 nhận thêm 100.000.000đ và ngày 12/3/2019 nhận 1.000.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn C đã cung cấp thêm chứng cứ mới là phiếu sao kê của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín thể hiện có việc ngày 12/3/2019, ông Công vay Ngân hàng số tiền 1.000.000.000đ. Phù hợp với lời khai của ông V, ông Công về việc sau khi ông Công vay tiền đã đưa cho bà T để chuyển cho ông V góp vốn mua thửa đất 1293 và thửa 764. Như vậy có thể khẳng định ông V đã nhiều lần nhận tiền của bà T cho việc mua bán đất; không có căn cứ xác định bà T giao 01 lần cho ông V số tiền 2.200.000.000đ vào ngày 06/3/2019.

Như vậy, căn cứ file hình ảnh có nội dung *"Hôm nay ngày 7/3/2019, tôi Ngô Thiên V SN 1977 có nhận chị Nguyễn Thị Thanh T SN 1978 thêm 100.000.000d một trăm triệu đồng. Hôm nay ngày 12/3/2019 tôi Ngô Thiên V SN 1977 có nhận chị Nguyễn Thị Thanh T SN 1978 số tiền là 1.000.000.000đ một tỷ đồng Việt Nam. Tổng giá trị mảnh đất là 2.600.000.000đ. Phần của chị T và anh Công là 1.730.000.000đ chị T và anh Công đưa tổng cộng 3 lần là 1.600.000.000đ một tỷ sáu trăm triệu đồng, số còn lại là 133.000.000đ một trăm ba mươi ba triệu đồng"* đã được giám định để xác định giữa ông V, bà T và vợ chồng ông Công có thỏa thuận nhận chuyển nhượng chung thửa đất giá trị 2.600.000.000đ. Căn cứ vào giá trị thửa đất được ghi trong hình ảnh này là 2.600.000.000đ phù hợp với lời khai của các bên đối với thửa đất 1293 của ông Tống Đức Hợi, phù hợp với giá trị thửa đất bà T cho rằng một mình bà mua của ông Hợi trong bản cam kết nhận tiền với ông V.

Ngoài ra, tại hợp đồng đặt cọc (BL247) xác định bà T đặt cọc cho ông V số tiền 100.000.000đ cho thửa đất số 764 tờ bản đồ số 2 tại khu phố Phú Sơn, phường An Lộc, thị xã Bình Long với giá 660.000.000đ, bà T đứng tên và ký xác nhận với tư cách là người mua mà không phải là người làm chứng như bà T trình bày. Bà T cho rằng do đây là tiền bà T cho ông Công mượn, do bà T là người đưa tiền nên các bên thống nhất để bà T là người ký nhưng các bên đều thừa nhận mỗi lần bà T giao

tiền cho ông V đều có mặt vợ chồng ông Công nhưng lại để bà T ký những giao dịch của vợ chồng ông Công là không phù hợp với sự thật khách quan. Phía vợ chồng ông Công không thừa nhận có vay tiền của bà T mà cho rằng đó là tiền góp vốn mua chung thửa đất số 764.

Mặc dù lời khai của các bên mâu thuẫn về việc có hay không nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chung nhưng dựa vào tài liệu, chứng cứ nêu trên có thể khẳng định giữa bà T, ông V (sau này ông V chuyển nhượng phần của mình cho bà Thoa) và vợ chồng ông Công có thỏa thuận mua chung thửa đất số 1293 của ông Tống Đức Hợi tại Minh Hưng, Chơn Thành với giá là 2.600.000.000đ. Ngoài ra giữa bà T và vợ chồng ông Công còn có thỏa thuận mua chung thửa đất 764 tại Bình Long với giá 660.000.000đ. Vì vậy ông V cho rằng số tiền ông nhận từ bà T là để thanh toán tiền căn nhà tại Bình Long và thửa đất tại Minh Hưng trong đó có phần tiền của vợ chồng ông Công như đã trình bày ở trên là có căn cứ. Nên việc bà T cho rằng số tiền bà giao cho ông V 2.200.000.000đ là tiền của một mình bà để nhận chuyển nhượng thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước của ông Tống Đức Hợi là không có căn cứ.

[2.2] Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện để nhận chuyển nhượng thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước của ông Tống Đức Hợi thì bà T góp 1.000.000.000đ, vợ chồng ông Công, bà Thu góp 1.000.000.000đ, bà Thoa 600.000.000đ và thửa đất 764, tờ bản đồ số 5, diện tích 12,5x24,4 bà T góp 330.000.000đ vợ chồng ông Công, bà Thu góp 330.000.000đ. Toàn bộ số tiền này đã được các bên giao cho ông V và ông V có trách nhiệm liên hệ với ông Tống Đức Hợi làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ thửa số 1293 cho bà T, vợ chồng ông Công bà Thu và bà Thoa. Ông V cho rằng sau khi nhận tiền của bà T đã thực hiện nhận chuyển nhượng cho các bên, bà T và vợ chồng ông Công đã thỏa thuận cho ông T1 (con vợ chồng ông Công bà Thu) đứng tên thay. Ông V cung cấp căn cứ chứng minh là Bản cam kết đồng sở hữu tài sản ngày 03/4/2019 có nội dung *"Bùi Văn Thanh T1, sinh năm 1993 là người đứng hộ tên cho bà Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1978 thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 diện tích 548m^2 thửa đất 764, tờ bản đồ số 5, diện tích 12,5x24,4".* Tuy nhiên, phần chữ này ông V thừa nhận là người viết thêm vào, bà T khẳng định không biết sự thỏa thuận này cũng như không ký tên vào biên bản thỏa thuận. Ông T1 xác định không đứng tên thay cho bà T thửa đất nào. Bà Thoa xác nhận giấy thỏa thuận này ban đầu do bà Thoa viết nhưng bị sai nên bỏ đi. Ngoài ra bản cam kết này có nội dung bị tẩy xóa, không do cùng một người viết ra. Bản cam kết đồng sở hữu tài sản ngày 3/4/2019 do ông V cung cấp không có giá trị chứng minh. Hiện nay, bà Thoa nhận chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất do ông T1 đứng tên cũng chỉ thỏa thuận và giao nhận tiền với bà Thu. Ngoài ra, ông V còn cung cấp bản ghi âm giữa bà Thoa và bà T với nội dung thể hiện bà T có quyền trong thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 diện tích 548m^2 nhưng bà T không thừa nhận, bà Thoa khẳng định chỉ biết phần của mình còn không biết sự thỏa thuận giữa bà T, ông V và vợ chồng ông Công nên không có căn cứ chấp nhận. Phía vợ chồng ông Công, bà Thu cho rằng sau khi ông T1 đứng tên trên GCNQSDĐ thay cho bà T, vợ chồng ông Công thì vợ chồng ông Công đã chia lợi nhuận cho bà T nhưng không đưa ra căn cứ chứng minh. Như vậy, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà T đã được ông V cho

mua chung thửa đất số 1293 của ông Tống Đức Hợi và thửa đất 764 tại Bình Long, cũng như quyền được định đoạt đối với thửa đất hay được chia quyền lợi khi bán đất. Từ những phân tích nêu trên cần buộc ông V và bà H1 trả lại phần vốn góp của bà T cũng như phần lãi suất đối với phần vốn góp. Ông Công, bà Thu cho rằng đã chuyển nhượng phần đất này cho người khác nên ông Công, bà Thu phải có trách nhiệm trả cho ông V, bà H1 về phần này. Tuy nhiên, ông V, bà H1, ông Công và bà Thu đều không có yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm tách ra thành một vụ án khác khi các bên có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì vậy, Toà cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận một phần yên cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và buộc ông Ngô Thiên V và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.917.416.000đ trong đó 1.330.000.000đ tiền gốc và 587.416.000đ tiền lãi là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Toà phúc thẩm ông V đều cho rằng số tiền mà ông nhận của bà T là để thực hiện việc chuyển nhượng hai thửa đất nêu trên cho bà T, ông Công, bà Thu và bà Thoa và thực tế ông đã thực hiện việc chuyển nhượng nêu trên theo ý chí của bà T, nhưng quá trình giải quyết vụ án bà T không thừa nhận và ông V cũng không chứng minh được và như đã phân tích ở mục [2.2] nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó kháng cáo của bị đơn ông V không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà H1 cho rằng bà không có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông V**,** Mặc dù tại phiên tòa, bà H1 và ông V cho rằng việc làm ăn, buôn bán giữa ông V với bà T thì bà H1 không biết nhưng tại phiên tòa ngày 03/4/2020 và quá trình làm việc trước đây bà H1 xác định việc mua bán đất giữa bà T với ông V tuy bà H1 không trực tiếp giao dịch nhưng nguồn tiền để mua bán đất và lợi nhuận từ việc mua bán đất là tài sản chung của vợ chồng, ông V cũng thừa nhận bà H1 có biết việc mua bán với bà T (BL58). Tại thời điểm ông V và bà T và vợ chồng ông Công giao dịch thì ông V và bà H1 là vợ chồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông V trả cho bà T là có căn cứ, nên kháng cáo của bà H1 không HĐXX được chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ không phải là bản chính mà chỉ là các bản chụp và căn cứ vào bản chụp để giám định từ đó căn cứ vào các kết luận giám định để cho rằng đây là tài liệu có thật, bản chính để đối chiếu với các tài liệu khác là không có cơ sở khoa học để xem xét đánh giá chứng cứ:

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chứng cứ do ông V cung cấp là các bản chụp không phải là bản chính nhưng đã được giám định và có kết luận các hình ảnh này không tìm thấy dấu hiệu bị cắt ghép, chỉnh sửa, các bản chụp trên có chữ ký và giấu vân tay của bà T. Qúa trình giải quyết lời khai của bà T về chữ ký và giấu vân tay trên các bản chụp có sự bất nhất như: file hình ảnh có nội dung *"Hôm nay ngày 7/3/2019, tôi Ngô Thiên V SN 1977 có nhận chị Nguyễn Thị Thanh T SN 1978 thêm 100.000.000d một trăm triệu đồng. Hôm nay ngày 12/3/2019 tôi Ngô Thiên V SN 1977 có nhận chị Nguyễn Thị Thanh T SN 1978 số tiền là 1.000.000.000d một tỷ đồng Việt Nam. Tổng giá trị mảnh đất là 2.600.000.000đ. Phần của chị T và anh*

Công là 1.730.000.000đ chị T và anh Công đưa tổng cộng 3 lần là 1.600.000.000đ một tỷ sáu trăm triệu đồng,. số còn lại là 133.000.000đ một trăm ba mươi ba triệu đồng" (BL 277). Bà T có thừa nhận có ký vào bản nay nhưng ký với tư cách là người làm chứng cho ông Công (thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020 của TAND tỉnh Bình Phước BL 482). Nhưng tại phiên Toà phúc thẩm bà T lại cho rằng mình không biết có việc ký nhận này.

Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm và Phúc thẩm không chỉ căn cứ vào các bản chụp đã được giám định mà còn căn cứ vào các lời khai của các đương sự, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để xác định đánh giá mối liên hệ giữa các chứng cứ trong việc phản ánh sự thật khách quan. Nên quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bà T không đưa tiền cho ông V để mua chung thửa đất 1293 và thửa đất tại Bình Long với vợ chồng ông Công và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn ông Ngô Thiên V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

[6] Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và biện pháp bảo đảm giữ nguyên như cấp sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên án phí và chi phí tố tụng cũng được giữ nguyên.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn ông Ngô Thiên V và người có quyền lợi, nghãi vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 phải chịu theo quy định pháp luật.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về phần tính lãi và đối với số tiền 330.000.000đ chung mua thửa đất số 764, tờ bản đồ số 5 không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận. Cón đối với số tiền 1.000.000.000đ chung mua thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 diện tích 548m^2 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn ông Ngô Thiên V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 04/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 266; Điều 147, 227, 228 của BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 165, 166, 170 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Ngô Thiên V và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.917.416.000đ trong đó 1.330.000.000đ tiền gốc và 587.416.000đ tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/7/2019 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông Ngô Thiên V, bà Nguyễn Thị H1.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền bảo đảm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đã đóng ngày 02/7/2019 tại tài khoản số 5616205162295 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Ngô Thiên V và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu chi phí giám định là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp.

Ông Ngô Thiên V phải chịu chi phí giám định với số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp. Tòa án nhân dân huyện H hoàn trả cho ông Ngô Thiên V số tiền tạm ứng còn lại là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Thiên V, bà Nguyễn Thị H1 phải nộp số tiền 69.522.000đ (sáu mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm là 49.615.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005463 ngày 24/6/2019. Bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải nộp 11.615.000đ (mười một triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015026 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Ông Ngô Thiên V, bà Nguyễn Thị H1, mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm

ứng án phí số 0015016 và số 015015 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Ninh